

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;
2. Ông Nguyễn Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 884/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 16/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số nhà 42, tổ 20, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số nhà 42, tổ 20, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà Ph chung sống với nhau từ năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường Ch, thị xã B, tỉnh Bình Dương) vào năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 27/11/2001. Hôn nhân giữa ông H và bà Ph hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng ông H và bà Ph chung sống hạnh phúc với nhau 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống cùng nhau mà

bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà Ph thường xuyên có những lời nói không có tôn trọng ông H, bà Ph còn có hành vi cầm dao rượt đuổi ông H, chuẩn bị dao kéo chỗ ông H ngủ để dọa ghệt ông H. Do bà Ph đuổi ông H ra khỏi nhà nên ông phải lấy hết đồ đạc ra đi về nhà mẹ ruột ở đường A11, khu phố 4, phường M, thị xã B ở đến nay không có về nhà ở với bà Ph và con cái. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, tình nghĩa vợ chồng không còn nên ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

Về con chung: Quá trình sống chung ông và bà Ph có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/9/1996. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H; đơn xin xác nhận hộ khẩu; trích lục kết hôn; giấy khai sinh; Quyết định đình chỉ số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2020; Quyết định đình chỉ số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020; Quyết định đình chỉ số 169/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020; trích lục số 83/2020/TL-HNGĐ ngày 06/3/2020; trích lục số 92/HNGĐ-TLA ngày 05/5/2020 và trích lục số 384/2020/TL-DS ngày 15/9/2020.

Lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph:

Bà Ph thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn chăm lo cho vợ con, ông H thường xuyên đi ra ngoài không có về nhà ở với vợ con nên hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Ngày 28/02/2020, ông H về nhà và nói với bà Ph là ông H có mượn tiền người khác số tiền 32.000.000 đồng, bà Ph là người trả nợ thay cho ông H, sau đó ông H ở nhà 03 (ba) tháng đến ngày 20/7/2020, ông H lấy hết đồ đạc ra đi về nhà mẹ ruột ở đường A11, khu phố 4, phường M, thị xã B ở đến nay không có về nhà ở với bà Ph và con cái. Tuy nhiên do bà Ph còn thương ông H nên bà Ph không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/9/1996. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu bị đơn đã cung cấp: Không.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Bộ luật Tố Tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa ông H và bà Ph đã trầm trọng, không thể kéo dài làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung, đã trưởng thành, ông H, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Ông H, bà Ph tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung: Ông H, bà Ph không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 20, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chá, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường Ch, thị xã B, tỉnh Bình Dương) vào năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 27/11/2001 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông H xác định giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc cho ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện tại, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn bà P thừa nhận

mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn chăm lo cho vợ con, nhưng do bị đơn vẫn còn có tình cảm với nguyên đơn, mong muốn con cái có đầy đủ cha mẹ nên không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Để đạt được mục đích này, vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Trong vụ án này nguyên đơn ông H và bị đơn bà Ph đều thừa nhận hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Tại Biên bản xác minh tại địa phương ngày 29/10/2020, chính quyền địa phương xác định quá trình sinh sống tại địa phương, giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ph có phát sinh mâu thuẫn. Từ khi hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H đã về nhà mẹ ruột ở tại đường A11, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay.

Mặc khác, nguyên đơn ông H cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph nhiều lần và đã được Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành các Quyết định đình chỉ số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2020; Quyết định đình chỉ số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020 và Quyết định đình chỉ số 169/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020 để ông H và bà Ph hàn gắn tình cảm và đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau khi ông H rút đơn giữa hai vợ chồng ông H và bà Ph cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông H và bà Ph đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông H và bà Ph đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ph là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ph có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/9/1996. Khi ly hôn con chung đã trưởng thành ông H và bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ph tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ph không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ph.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Ph.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 98, do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Ch cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ph ngày 27/11/2001 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048236 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường Ch , thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hoa

- Luru: HSVA, VT.